

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 02 – 2025

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tụ

Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 568/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: số C, đường T, xã T, huyện

H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Trần Văn N sống chung với nhau năm 2012, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có được 01 đứa con tên Trần Kim N1, sinh ngày 27/11/2013, giới tính: Nữ.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau như trước, từ đó vợ chồng thường xuyên kiểm chuyện gây tranh cãi gia đình, tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, nên hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với bị đơn Trần Văn N; về con chung: Có 01 đứa con chung, sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã bảo đảm để thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng do không có yêu cầu. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mộng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con với ông Trần Văn N. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Trần Văn N có địa chỉ ở ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng C và ông Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn đã được Tòa án thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do vậy, có cơ sở để xác định mối quan

hệ hôn nhân giữa các đương sự đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Trần Kim N1, sinh ngày 27/11/2013, hiện tại đang sống với nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn có yêu cầu nuôi con chung, cháu Trần Kim N1 có nguyện vọng sống với mẹ và bị đơn không có ý kiến phản đối. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về cấp dưỡng: Do bị đơn không yêu cầu nên chưa xem xét, giải quyết.

[7] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng C được ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mộng C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Kim N1, sinh ngày 27/11/2013. Ông Trần Văn N chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Ông Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do chưa có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007124 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, bà Nguyễn Thị Mộng C không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hà Thái Thơ